

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HS-ST
Ngày: 19-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Hồng;

Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái H Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Quách Văn H, sinh năm 1987 tại T; hộ khẩu thường trú: thôn 5, xã X, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn H và bà Nguyễn Thị K; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 18 tháng 02 năm 2022 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Tổng Công ty D; địa chỉ: Tòa nhà D, 34 L, phường L, quận Đ, Thành phố N.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh D, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22-01-2020), vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Dương Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Văn H và Nguyễn Văn T là bạn bè quen biết với nhau. Đầu tháng 01 năm 2020, T làm lắp ráp điện trong thời gian 10 ngày tại nhà xưởng BW của Công ty Cổ phần D, A quan sát thấy dây điện để nhiều nơi, việc quản lý lỏng lẻo nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Văn T rủ H cùng với Trần Văn V và Nguyễn Văn H cùng trộm cắp tài sản tại Công ty D tại khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh D. Để thực hiện hành vi phạm tội A móc nối với Trần Xuân S để dễ dàng lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài.

Quách Văn H cùng A, B, H1 và S đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại công trình dự án của Công ty D cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 20-01-2020, A gọi điện thoại cho S, B, H để vào công trình nhà xưởng thuộc dự án Công ty D lấy trộm dây điện thì S, B, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô (không rõ đặc điểm, biển số) đến nhà A ở khu dân Huỳnh Gia Phát thuộc khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương chở H1. A điều khiển xe mô tô biển số 36B5-701.10 đến phòng trọ chở B. Khi đi H1 chuẩn bị kiểm cắt cáp dài khoảng 60cm, cán màu xanh, bao tải và dây rút nhựa để trộm cắp tài sản, A, B, H và H1 đến công trình nhà xưởng BW của Công ty D tại khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Khi vào trong công trình dự án của Công ty D, S cảnh giới cho A, B, H, H1 cắt trộm dây điện. A đi tắt điện chiếu sáng, sau đó A, B, H, H1 đến trước kho vật tư và bắt đầu cắt trộm dây điện. A và B, H, H1 đã cắt trộm 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 dài 96 mét và 01 cuộn dây cáp điện quy cách CU/PVC 150 SQMM dài 108 mét để vào trong 04 bao tải đã chuẩn bị sẵn. Sau khi lấy trộm tài sản thì A, B, H, H1 cùng đi về nhà A cùng 04 bao tải dây điện trộm được.

Lần thứ 2: Bằng thủ đoạn cách thức tương tự, khoảng 20 giờ 00 phút ngày 22-01-2020, A rủ H, B, H1 đi trộm cắp tài sản. A, B, H, H1 đi trên 02 xe mô tô đến công trình Công ty D. Tại đây A, B, H, H1 cùng lẩn 01 cuộn dây điện còn nguyên đai, nguyên kiện, chưa sử dụng, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chiều dài 85 mét (dây điện còn đang ở trong thùng gỗ tròn) và 01 cuộn dây điện nguyên đai, nguyên kiện, chưa sử dụng, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV, chiều dài 440 mét giấu vào sau thùng container để cắt trộm. Trong lúc A, B, H, H1 lẩn cuộn dây điện thì S cảnh giới cho A, B, H, H1. Khi A, B, H, H1 đang lẩn cuộn dây điện thứ hai đến vị trí đã giấu cuộn trước thì bị bảo vệ công ty là anh Võ Văn Hữu D phát hiện, tri hô. A, B, H và H1 cùng bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy, H1 ném cái kềm cắt cáp, do hoảng sợ nên H1 không nhớ vị trí ném. A, B, H, H1 ra khỏi công ty và về nhà A tại Khu dân cư Huỳnh Gia Phát, H bỏ về. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 23-01-2020, A và B, H quay lại công trình Công ty D để tiếp tục lấy trộm cuộn dây điện đã vận chuyển ra sát hàng rào. Khi đến công ty, A, H1 và B bị lực lượng Công an Đoàn Khu Công nghiệp Bàu Bàng và bảo vệ BECAMEX phát hiện bắt giữ.

Qua điều tra xác minh, sau khi lấy trộm dây điện vào ngày 20-01-2020, A và H1 gọt dây điện lấy lõi đồng được 76kg, sau đó, A đi bán cho Dương Thị H được 7.600.000 đồng. Sau khi mua lõi đồng của A, bà Hà đã bán lại cho người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được, số tiền sau khi bán lõi đồng A chia cho H1, B và S mỗi người 2.000.000 đồng, chia cho H 1.500.000 đồng, còn lại A giữ. Toàn bộ số tiền trên các bị cáo đều tiêu xài hết.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn A, Trần Văn B Nguyễn Văn H1 và Trần Xuân S Quách Văn H đã được giải quyết bằng Bản án số 45/2020HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

Đối với hành vi của bà Dương Thị H đã mua lõi đồng của A, bà Hà không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo như Cáo trạng đã truy tố, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Quách Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Khi Quách Văn H bị bắt truy nã đã giao nộp 01 điện thoại di động Samsung J3, màu bạc, số IMEI: 354814/09/301789/1. Bị cáo H thừa nhận đây là điện thoại H dùng liên lạc với A để thực hiện việc phạm tội.

Đối với các vật chứng khác bị thu giữ đã được xử lý tại Bản án số 45/2020HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 126/KL-HĐĐG ngày 31-01-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 85 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 392.000 đồng/mét (thành tiền 85 mét x 392.000 đồng/mét = 33.320.000 đồng) và 440 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 10.300 đồng/mét (thành tiền 440 mét x 10.300 đồng/mét = 5.532.000 đồng), tổng cộng: 37.852.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐG ngày 15-04-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bàu Bàng kết luận: 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 431.200 đồng/mét (thành tiền 96 mét x 431.200 đồng/mét = 41.395.200 đồng) và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 Kv, chưa qua sử dụng, Hội đồng thống nhất định giá 259.600 đồng/mét (thành tiền 108 mét x 259.600 đồng/mét = 28.036.800 đồng), tổng cộng: 69.432.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 54/CT-VKSBB ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Quách Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Mức hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Quách Văn H mức án từ 03 (ba) năm năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Samsung J3, màu bạc, số IMEI: 354814/09/301789/1 của bị cáo Quách Văn H, đây là điện thoại bị cáo H dùng làm công cụ để liên lạc sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 45/2020HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Quách Văn H nói lời sau cùng: bị cáo đã biết sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn H đã khai nhận hành vi của các bị cáo như Cáo trạng quy kết. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn H1, Trần Văn B và Trần Xuân S, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có cơ sở kết luận: Trong các ngày 20 và 22-01-2020, tại Công trình xây dựng dự án của Tổng Công ty D thuộc khu phố Đ, thị trấn U, huyện B, tỉnh D, bị cáo Quách Văn H cùng Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn H1, Trần Văn B và Trần Xuân S đã có

hành vi lén lút chiếm đoạt: 85 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 440 mét dây cáp điện, quy cách CU/XLPE/PVC 1*1,5 SQMM 0.6/1 kV chưa qua sử dụng, 96 mét dây cáp điện quy cách CU/XLPE/PVC 1*240 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng và 108 mét dây điện quy cách CU/PVC 150 SQMM 0.6/1 kV, chưa qua sử dụng của bị hại là Tổng Công ty D, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 107.284.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo H cùng Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn H1, Trần Văn B và Trần Xuân S lén lút lấy tài sản của người khác đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo như trên đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên có tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. A là người rủ rê H1, B, S và bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi nên A có vai trò là người cầm đầu, người thực hành. B, H1 và bị cáo H khi được A rủ đi trộm đã đồng ý và cùng A lấy trộm tài sản nên các B, H1 và bị cáo H giữ vai trò người thực hành. S khi được A bàn bạc việc lấy trộm tài sản đã đồng ý mở cửa công trình, thông báo và cảnh giới cho bị cáo H, A, H1 và B lấy trộm tài sản nên S giữ vai trò người giúp sức. Sau khi thực hiện hành vi bị cáo H đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt theo lệnh truy nã của Công an huyện Bàu Bàng, điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn H1, Trần Văn B và Trần Xuân S đã bị Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng xét xử tại Bản án số 45/2020HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 45/2020HSST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[11] Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Samsung J3, màu bạc, số IMEI: 354814/09/301789/1 của bị cáo Quách Văn H, đây là công cụ phương tiện bị cáo H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: bị cáo Quách Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Quách Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Quách Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 02 năm 2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung J3, màu bạc, số IMEI: 354814/09/301789/1 của bị cáo Quách Văn H;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ngày 15-6-2022).

3. Về án phí: bị cáo Quách Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Mai